

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 22
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 22



- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lã Giang Trung

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017

110
NG
HIEM
KIE
A
KIE

64
ON
O
ES
4 P

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hestia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hestia được lập ngày 05 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hestia tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017



Hoàng Thị Thu Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0899-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		50.653.313.617	14.955.474.755
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	64.293.076	5.949.754
111	1. Tiền		64.293.076	5.949.754
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	50.500.924.119	14.904.066.863
121	1. Chứng khoán kinh doanh		50.606.604.945	15.530.617.040
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(105.680.826)	(626.550.177)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.611.590	-
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		9.571.590	-
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	67.040.000	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.484.832	45.458.138
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	45.458.138
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	11.484.832	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	35.944.986
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	35.944.986
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	-	35.944.986
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.653.313.617	14.991.419.741



Hestia
12/12/16

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		33.403.434.697	9.958.848.202
310	I. Nợ ngắn hạn		33.403.434.697	9.958.848.202
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		30.000.000	2.029.276
319	2. Phải trả ngắn hạn khác	8	900.959.363	225.783.088
320	3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6	32.472.475.334	9.731.035.838
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.249.878.920	5.032.571.539
410	I. Vốn chủ sở hữu	9	17.249.878.920	5.032.571.539
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		16.000.000.000	8.200.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		16.000.000.000	8.200.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.249.878.920	(3.167.428.461)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(3.167.428.461)	(4.321.388.298)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		4.417.307.381	1.153.959.837
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.653.313.617	14.991.419.741



Trần Thị Hiền

Trần Thị Hiền

Lã Giang Trung

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	10	8.363.132.412	2.796.872.968
22	7. Chi phí tài chính	11	3.425.898.584	1.533.491.346
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.067.824.657	768.454.761
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12	344.309.495	109.421.785
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.592.924.333	1.153.959.837
31	11. Thu nhập khác	13	16.818.216	-
32	12. Chi phí khác		3.920.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		12.898.216	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.605.822.549	1.153.959.837
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14	188.515.168	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.417.307.381	1.153.959.837
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	3.906	1.407



Trần Thị Hiền
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017



Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		37.191.507.060	36.503.714.442
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(65.079.543.701)	(38.301.627.017)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(150.000.000)	(22.500.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.067.824.657)	(768.454.761)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(200.000.000)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		56.944.986	145.347.489
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(236.030.725)	(35.944.986)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(30.484.947.037)	(2.479.464.833)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.850.863	1.774.628
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.850.863	1.774.628
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		7.800.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		70.977.571.795	39.178.820.871
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(48.236.132.299)	(36.730.266.772)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		30.541.439.496	2.448.554.099
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		58.343.322	(29.136.106)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.949.754	35.085.860
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	64.293.076	5.949.754

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 T. T. H. AN. AN. AN.
 05 - C. I. TY HỮU HẠN TOÁN C. P. HÀ NỘI





Trần Thị Hiền
Người lập biểu

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng

Lã Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Rainbow, Đường 19/5, Khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 16.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 16.000.000.000 đồng; tương đương 1.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Mua bán chứng khoán kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm, đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

2.7. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.8. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

972
GT
HÀ
ĐT
HỒ

10011
CÓN
RÁCH NH
HÀNG K
A
HOANK

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11. Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

11/12/2016

105-C
CÔNG TY
CỔ PHẦN Hestia
HÀ NỘI
KẾ TOÁN
TRƯỞNG
TSC
M-TP.H

2.12. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	-	550
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.293.076	5.949.204
	64.293.076	5.949.754

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC SỐ 01 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu cổ tức bằng tiền chứng khoán SED chưa nhận được tiền	67.040.000	-	-	-
	67.040.000	-	-	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	35.944.986	-
	-	-	35.944.986	-

6. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (*)	9.731.035.838	9.731.035.838	70.977.571.795	48.236.132.299	32.472.475.334	32.472.475.334
	9.731.035.838	9.731.035.838	70.977.571.795	48.236.132.299	32.472.475.334	32.472.475.334

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

(*) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (SSI) số 3575/2014/HDMR-SSIHN ngày 06/03/2014, lãi suất cho vay được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội quy định tại từng thời điểm, hạn mức tín dụng sẽ được điều chỉnh thường xuyên căn cứ vào giá thị trường của tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty bao gồm: tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước công bố tùy từng thời điểm, giá trị Tài sản đảm bảo được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội đánh giá và điều chỉnh thường xuyên và các ngày giao dịch bình thường của Sàn Giao dịch Chứng khoán. Số dư đến thời điểm 31/12/2015 là 9.731.035.838 đồng, số dư đến thời điểm 31/12/2016 là 32.472.475.334 đồng.



7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	188.515.168	200.000.000	11.484.832
- Thuế thu nhập cá nhân	-	15.000.000	15.000.000	-
- Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
	-	205.515.168	217.000.000	11.484.832

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Phải trả khác tiền ứng kinh doanh cá nhân ông Lã Giang Trung	41.672.363	225.783.088
- Giá trị mua cổ phiếu MWG đã khớp lệnh nhưng chưa thanh toán (*)	859.287.000	-
	900.959.363	225.783.088

(*) Khoản phải trả về mua chứng khoán kinh doanh 5.500 cổ phiếu mã chứng khoán MWG đã khớp lệnh tại thời điểm 30/12/2016 nhưng chưa phải thanh toán tiền.

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	8.200.000.000	(4.321.388.298)	3.878.611.702
Lãi trong năm trước	-	1.153.959.837	1.153.959.837
Số dư cuối năm trước	8.200.000.000	(3.167.428.461)	5.032.571.539
Số dư đầu năm nay	8.200.000.000	(3.167.428.461)	5.032.571.539
Tăng vốn trong năm nay (*)	7.800.000.000	-	7.800.000.000
Lãi trong năm nay	-	4.417.307.381	4.417.307.381
Số dư cuối năm nay	16.000.000.000	1.249.878.920	17.249.878.920

(*) Trong năm tài chính Công ty có thực hiện tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tổng số vốn điều lệ tăng thêm là 7.800.000.000 đồng tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm là 780.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu, phù hợp với mục đích tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2016.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
Ông Lê Giang Trung	3.378.000.000	21,11%	2.000.000.000	24,39%
Ông Đào Gia Hưng	3.078.000.000	19,24%	2.000.000.000	24,39%
Bà Trần Phương Dung	2.123.000.000	13,27%	1.000.000.000	12,20%
Ông Nguyễn Tuấn Đạt	2.062.000.000	12,89%	1.000.000.000	12,20%
Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	1.305.000.000	8,16%	800.000.000	9,76%
Ông Phạm Thanh Sơn	755.000.000	4,72%	500.000.000	6,10%
Vốn góp của cổ đông khác	3.299.000.000	20,62%	900.000.000	10,98%
	16.000.000.000	100%	8.200.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.000.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp đầu năm	8.200.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	7.800.000.000	
- Vốn góp cuối năm	16.000.000.000	8.200.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	820.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	820.000
- Cổ phiếu phổ thông	986.000	206.000
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết (*)	614.000	614.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.600.000	820.000
- Cổ phiếu phổ thông	986.000	206.000
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết (*)	614.000	614.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

“(*) Đây là cổ phiếu của cổ đông sáng lập và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ khi thành lập Công ty (19/02/2014). Hạn chế này sẽ hết hiệu lực vào ngày 19/02/2017.

10. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.850.863	1.774.628
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	8.304.998.382	2.784.051.673
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.283.167	11.046.667
	8.363.132.412	2.796.872.968



11. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.067.824.657	768.454.761
Lỗ do kinh doanh chứng khoán	1.875.746.486	176.678.237
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(520.869.351)	587.051.931
Chi phí tài chính khác	3.196.792	1.306.417
	3.425.898.584	1.533.491.346

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	150.000.000	20.500.000
Thuế, phí, lệ phí	17.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.458.138	52.586.138
Chi phí khác bằng tiền	22.851.357	34.335.647
	344.309.495	109.421.785

13. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập khác	16.818.216	-
	16.818.216	-

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.605.822.549	1.153.959.837
Các khoản điều chỉnh tăng	15.000.000	-
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	15.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.678.246.711)	(1.153.959.837)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(56.283.167)	(11.046.667)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.621.963.544)	(1.142.913.170)
Thu nhập chịu thuế TNDN	942.575.838	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	188.515.168	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(200.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(11.484.832)	-



15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.417.307.381	1.153.959.837
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.417.307.381	1.153.959.837
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.130.966	820.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.906	1.407

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.293.076	-	5.949.754	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.611.590	-	35.944.986	-
Đầu tư ngắn hạn	50.606.604.945	(105.680.826)	15.530.617.040	(626.550.177)
	50.747.509.611	(105.680.826)	15.572.511.780	(626.550.177)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vay và nợ	32.472.475.334	9.731.035.838
Phải trả người bán, phải trả khác	930.959.363	227.812.364
	33.403.434.697	9.958.848.202

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.293.076	-	-	64.293.076
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.611.590	-	-	76.611.590
Đầu tư ngắn hạn	50.500.924.119	-	-	50.500.924.119
	50.641.828.785	-	-	50.641.828.785
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.949.754	-	-	5.949.754
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.944.986	-	-	35.944.986
Đầu tư ngắn hạn	14.904.066.863	-	-	14.904.066.863
	14.945.961.603	-	-	14.945.961.603

M.S.D.

15
16
17
18

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	32.472.475.334	-	-	32.472.475.334
Phải trả người bán, phải trả khác	930.959.363	-	-	930.959.363
	33.403.434.697	-	-	33.403.434.697
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	9.731.035.838	-	-	9.731.035.838
Phải trả người bán, phải trả khác	227.812.364	-	-	227.812.364
	9.958.848.202	-	-	9.958.848.202

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

17. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	70.977.571.795	39.178.820.871
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(48.236.132.299)	(36.730.266.772)

18. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

DỊCH
TRẮC
TIỀN
DAN

三
二
一
一
二

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải trả khác			
Ông Lê Giang Trung	Chủ tịch HĐQT	41.672.363	225.783.088

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	108.000.000	-

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Hiền

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Lê Giang Trung

Giám đốc

KIỂM TOÁN
 HÃNG KIỂM TOÁN
 AASC
 HÀ NỘI

KIỂM TOÁN
 HÃNG KIỂM TOÁN
 AASC
 HÀ NỘI

PHỤ LỤC SỐ 01 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016		01/01/2016					
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	-	50.606.604.945	50.500.924.119	(105.680.826)	479.784	15.530.617.040	14.904.066.863	(626.550.177)
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	-	-	-	-	4	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam (SED)	41.900	809.600.826	703.920.000	(105.680.826)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	427.720	49.570.408.618	49.570.408.618	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định (BMC)	15.330	226.595.501	226.595.501	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (HVT)	720	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	-	-	-	-	4.500	180.512.363	180.512.363	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	-	-	-	-	340.230	10.561.636.732	9.935.086.555	(626.550.177)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (BTS)	-	-	-	-	10.000	88.132.000	88.132.000	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	-	-	105.750	4.325.224.120	4.325.224.120	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (TA9)	-	-	-	-	19.300	375.111.825	375.111.825	-
		50.606.604.945	50.500.924.119	(105.680.826)	479.784	15.530.617.040	14.904.066.863	(626.550.177)

Giá trị hợp lý của Chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường Chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết tại ngày lập Báo cáo tài chính.

PHỤ LỤC SỐ 02 - CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH

Mã Chứng khoán	Số dư đầu năm	Mua trong năm	Bán trong năm	Số dư cuối năm	Giá trị bán thu được	Lãi /lỗ thuần	Lãi từ kinh doanh chứng khoán	Lỗ do kinh doanh chứng khoán
HVT	0	47.270.800	47.270.800	0	36.505.160	(10.765.640)	0	(10.765.640)
FPT	0	4.642.334.239	4.642.334.239	0	4.711.838.236	69.503.997	69.503.997	0
HPG	10.561.266.177	0	10.561.266.177	0	8.717.745.735	(1.843.520.442)	0	(1.843.520.442)
PNJ	4.325.594.675	4.922.324.385	9.247.919.060	0	16.346.924.766	7.099.005.706	7.099.277.380	(271.674)
TA9	375.111.825	85.858.595	460.970.420	0	910.116.275	449.145.855	449.145.855	0
SVI	0	1.495.215.965	1.495.215.965	0	1.495.447.446	231.481	18.937.907	(18.706.426)
SED	0	2.672.955.333	1.863.354.507	809.600.826	1.928.542.840	65.188.333	66.957.845	(1.769.512)
MWG	0	50.770.387.355	1.199.978.737	49.570.408.618	1.699.155.438	499.176.700	499.176.700	0
BTS	88.132.000	21.632.400	109.764.400	0	109.056.170	(708.230)	0	(708.230)
BMC	0	259.129.112	32.533.611	226.595.501	34.785.742	2.252.131	2.256.693	(4.562)
TCT	0	317.500.538	317.500.538	0	322.325.485	5.024.947	5.024.947	0
VFG	180.512.363	0	180.512.363	0	249.375.375	68.863.012	68.863.012	0
SAF	0	58.888.200	58.888.200	0	84.433.160	25.544.960	25.544.960	0
HVL	0	100.150.000	100.150.000	0	100.459.085	309.085	309.085	0
Tổng	15.530.617.040	65.393.646.922	30.317.659.017	50.606.604.945	36.746.910.913	6.429.251.895	8.304.998.382	(1.875.746.486)

